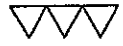


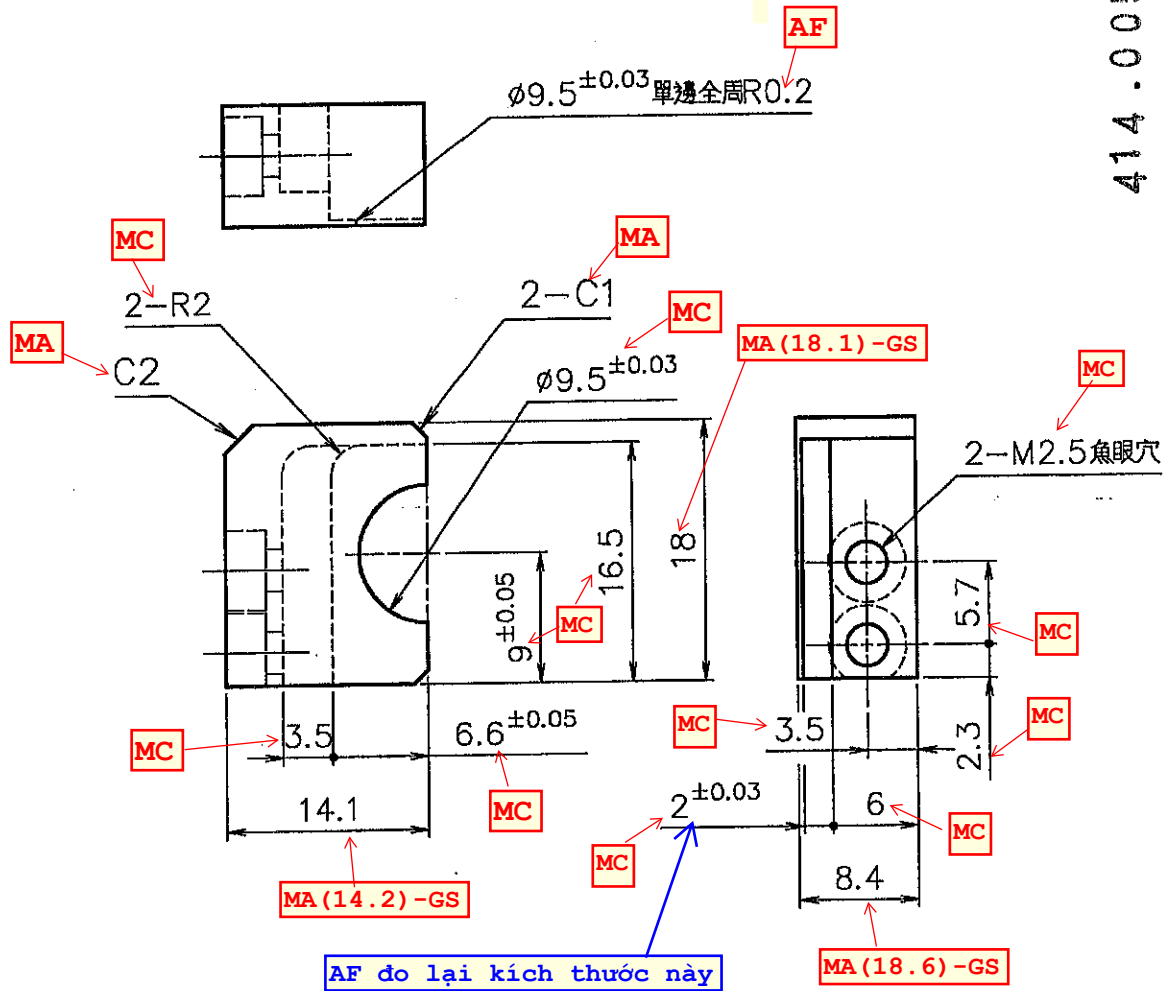
MV

訂正Rev	日	付	記	事	擔	當	一般加工公差表示	
							0.5以上6以下	±0.1
							6~30	±0.2
							31~120	±0.3
							121~315	±0.5
圖面上有公差時以圖面公差優先								

1128



414.0050006



GIA NHIỆT LÒ CHÂN KHÔNG

工程

部 品 名		材 質	數 量	設 備 名 稱			
爪		SKS3	1	變阻器SLDG機切替部品			
熱 處 理	表 面 處 理	檢 圖	設 計	製 圖	日 期	共通部品番號	
燒入 燒戻 HRC 53	S0B	許振發	劉月平	劉月平	2005/02/15		
尺 度	第三圖面	S443838				訂正REV	
2:1 (/)	角法 番號						

XH01-019T-00-1-044-AA\A138337.dwg

SNO: S443838	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKS3 T10*19*23	AA:20 MA:30 GS:20 MC:90 HT:40 AF:20